

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày: 23-3-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quỳ

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trịnh Ngọc A, sinh năm 198x tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn x, xã x, huyện x, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn T và bà Trịnh Thị L; vợ: Phạm Thị X; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28-02-2003 Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Cưỡng đoạt tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 26-11-2020 sau chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại xx - Công an thành phố Nam Định; có mặt.

2. Họ và tên: An Thị V, sinh năm: 199x tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Xóm x, xã x, huyện x, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: An Hoàng H và bà Nguyễn Thị T; chồng: Nguyễn Văn T (đã ly hôn); chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 25-11-2020, Phạm Sỹ x, sinh năm: 199x, trú tại: x, phường x, thành phố x và bạn là Phạm Văn L, sinh năm: 199x, trú tại: x, phường x, thành phố x cùng nhau đi ăn sáng, uống rượu; đến khoảng 11 giờ L và x rủ nhau đi tìm gái bán dâm để mua dâm, tiền mua dâm sẽ chia đôi. Do có mối quen biết từ trước và biết Trịnh Ngọc A có thể gọi được gái bán dâm nên x đã sử dụng mạng xã hội Zalo “x” của mình gọi và nhắn tin vào Zalo “x” của Ngọc A đặt vấn đề nhờ Ngọc A gọi cho x và L 02 gái bán dâm, Ngọc A đồng ý.

Do Trịnh Ngọc A có mối quan hệ xã hội với An Thị V, sinh năm: 199x, trú tại: Xóm x, xã x, huyện x, tỉnh Thái Nguyên biết V là gái bán dâm và có thể gọi thêm gái bán dâm nên Ngọc A đã sử dụng Zalo “x” nhắn tin và gọi vào Zalo “x” của V đặt vấn đề rủ V về thành phố x bán dâm cho khách với giá là 3.000.000 đồng một lần bán dâm, tiền xe taxi hai chiều Ngọc A thanh toán, V phải trả cho Ngọc A 500.000 đồng tiền công môi giới. Đồng thời Ngọc A nhờ V gọi thêm một gái bán dâm nữa cùng V về thành phố x để bán dâm, V đồng ý. Sau đó V sử dụng Zalo “x” nhắn tin vào Zalo “x” được V lưu trong danh bạ Zalo của mình là “Hịn” của Hoàng Thị H, sinh năm: 199x, trú tại: Thôn x, xã x, thành phố x, tỉnh Thái Nguyên đặt vấn đề rủ H về thành phố x bán dâm cho khách với giá 3.000.000 đồng một lần bán dâm, H đồng ý và hẹn V về huyện x, thành phố Hà Nội đón H cùng về thành phố x. Sau khi thống nhất được giá với V, Trịnh Ngọc A thông báo cho biết giá một lần mua dâm là 4.000.000 đồng, x và L đồng ý. Khoảng 15 giờ ngày 25-11-2020, V đi xe taxi Bình An tài xế là anh Phan Hữu T, sinh năm: 198x, trú tại: Phường x, thành phố x đi từ thành phố x xuống huyện x, thành phố Hà Nội rồi về thành phố x với giá cước là 1.600.000 đồng, V thông báo giá cước taxi cho Ngọc A biết, Ngọc A đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày V đón H tại nút giao x, thành phố Hà Nội sau đó cả hai đi taxi về thành phố x.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, An và Lâm cùng đến khách sạn x số x, phường x, thành phố x gặp anh Phạm Ngọc T, sinh năm: 198x, trú tại: x, phường x, thành phố x là lễ tân của khách sạn, đặt vấn đề thuê 02 phòng nghỉ, anh T yêu cầu x và L xuất trình giấy tờ tùy thân thì chỉ có L xuất trình giấy chứng minh nhân dân của mình và nói x đi cùng nên anh T đã bố trí x nghỉ tại phòng 504 còn L nghỉ tại phòng 505 của khách sạn. Sau khi có địa chỉ phòng nghỉ, x đã nhắn tin thông báo số phòng địa chỉ của khách sạn x cho Ngọc A biết. Nhận được tin nhắn, Ngọc A nhắn tin báo cho V vào phòng 504 bán dâm cho x, H vào phòng 505 bán dâm cho L tại khách sạn x. V và Ngọc A thống nhất để V nhận tiền mua dâm sau đó sẽ thanh toán tiền môi giới cho Ngọc A. Theo hướng dẫn của Ngọc A, khoảng 18 giờ 45 phút ngày 25-11-2020, V và H đến khách sạn x và yêu cầu taxi chờ ở dưới. Khi

vào khách sạn, V và H gặp anh T là lễ tân của khách sạn x, V thông báo với anh T là đã có phòng đặt trước là phòng 504 và 505, H xin anh T một bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei kích thước 2x5cm, anh T hỏi giấy tờ tùy thân của V và H thì cả hai đều trả lời là không có, sau đó đi lên tầng 5. V bảo H vào phòng 505 để bán dâm cho L còn mình tự vào phòng 504 để bán dâm cho x. Khi V vào phòng, x đã nhắn tin và gọi cho Ngọc A thông báo gái bán dâm đã lên đồng thời hỏi trả tiền mua dâm cho ai thì Ngọc A bảo đưa cho V. x đã lấy số tiền 8.000.000 đồng là tiền mua dâm của x và L đưa cho V. V nhận tiền cất vào túi xách của mình và nhắn tin cho H biết là đã nhận đủ tiền của cả hai người, sau đó V và x tự cởi quần áo của mình ra và thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng 504. L và H cũng tự cởi quần áo ra, H lấy bao cao su đưa cho L để L đeo vào dương vật sau đó thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng 505.

Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày khi Phạm Sỹ x và An Thị V; Phạm Văn L và Hoàng Thị H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Tổ công tác Công an thành phố Nam Định kiểm tra hành chính khách sạn x phát hiện bắt quả tang.

- Thu giữ tại phòng 504: Thu trong túi xách của V số tiền 8.000.000 đồng là tiền mua dâm của x và L trả để mua dâm V và H, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax màu hồng, số IMEI: 355735074167489, bên trong lắp sim điện thoại số 0969818986 của V.

- Thu giữ tại phòng 505: 01 bao cao su đã sử dụng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định, An Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi môi giới mại dâm và bán dâm; Phạm Sỹ x, Phạm Văn L và Hoàng Thị H khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật nêu trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã triệu tập đối với Trịnh Ngọc A. Tại Cơ quan điều tra, Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi môi giới mại dâm của bản thân và khai Trịnh Ngọc A đã thỏa thuận với gái bán dâm An Thị V số tiền 8.000.000 đồng mà V nhận của Phạm Sỹ An; trong đó V và H mỗi người sẽ được 2.500.000 đồng một lần bán dâm; số còn lại Ngọc A phải trả tiền taxi là 1.600.000 đồng, Ngọc A được hưởng công môi giới là 1.400.000 đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 25-11-2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trịnh Ngọc A, thu giữ của Trịnh Ngọc A một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy On7 màu trắng lắp sim 0522246200; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với An Thị V về tội “Môi giới mại dâm.

Quá trình kiểm tra hành chính khách sạn x chị Nguyễn Thị Thu H giao nộp: 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; 01 bản sao giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện về an

ninh, trật tự số: 60/GCN đối với cơ sở kinh doanh khách sạn x; bản hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần thương mại x với anh Phạm Ngọc T.

Đối với hành vi mua dâm của Phạm Sỹ x và Phạm Văn L; hành vi bán dâm của An Thị V và Hoàng Thị H; hành vi không kiểm tra giấy tờ tùy thân của khách, không bố trí phòng nam riêng, nữ riêng của nhân viên lễ tân Phạm Ngọc T. Do không cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Nam Định đã xử phạt hành chính.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKSTPNĐ ngày 08-02-2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Trịnh Ngọc A tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; truy tố An Thị V tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trịnh Ngọc A và bị cáo An Thị V về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc A từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo An Thị V từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao cao su đã sử dụng và 02 sim điện thoại; tịch thu sung quỹ Nhà nước 8.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của An Thị V và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy On7 thu giữ của Trịnh Ngọc A.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 11 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 25-11-2020 tại thành phố x, Trịnh Ngọc A đã có hành vi làm trung gian dẫn dắt để An Thị V bán dâm cho Phạm Sỹ x và Hoàng Thị H bán dâm cho Phạm Văn L tại khách sạn x số x, phường x, thành phố x. Cùng thời gian trên An Thị V cũng đã có hành vi cùng Trịnh Ngọc A làm trung gian dẫn dắt để Hoàng Thị H bán dâm cho Phạm Văn L.

Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ, biên bản kiểm tra điện thoại thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trịnh Ngọc A và bị cáo An Thị V phạm tội “Môi giới mại dâm” theo Điều 328 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo An Thị V không vi phạm các tình tiết định khung và chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trịnh Ngọc A có hành vi làm trung gian môi giới cho hai gái bán dâm nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung “đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

4.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo An Thị V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

4.3. Về hình phạt:

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm

phạm trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh XHCN, sức khỏe của con người; vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố.

Xét bị cáo Trịnh Ngọc A có hành vi phạm loại tội nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân xấu, về hình phạt cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố.

Xét bị cáo An Thị V có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo; xét không cần bắt bị cáo thi hành hình phạt tù mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

- 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng và 02 sim điện thoại không có giá trị sử dụng nên tất cả tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Số tiền 8.000.000 đồng thu giữ của V là tiền do phạm tội mà có; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của An Thị V, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy On7 thu giữ của Trịnh Ngọc A là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tất cả tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] *Án phí Hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc A và bị cáo An Thị V phạm tội: “Môi giới mại dâm”.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc A 42 (bốn mươi hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2020.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo An Thị V 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26-11-2020 đến ngày 28-11-2020). Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo An Thị V cho Ủy ban nhân dân xã x, huyện x, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo An Thị V cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo An Thị V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao cao su được niêm phong mã số NS3A-108036; 01 sim điện thoại được niêm phong mã số NS4A-185126 và 01 sim điện thoại được niêm phong mã số NS4A-185118;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và 01 chiếc điện thoại di động đã cũ được niêm phong mã số NS3A-108035 và 01 chiếc điện thoại di động đã cũ được niêm phong mã số NS3A-108034.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trịnh Ngọc A và bị cáo An Thị V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo Trịnh Ngọc A và bị cáo An Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- UBND xã x, huyện x,
tỉnh Thái Nguyên.
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

Phạm Thị Mai Anh